

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
H
TỈNH T T H**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **37/2023/HNGĐ-ST**

Ngày 19/4/2023

“V/v Xin ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN H, TỈNH T T H**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Tú Loan.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Vy.

2. Bà Đoàn Thị Thanh Nhân.

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thị Hồng Linh, Thư ký Tòa án nhân dân H, tỉnh T T H.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân H, tỉnh T T H tham gia phiên tòa: Ông Lê Văn Đông, Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 4 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân H, số 60 Nguyễn Huệ, phường Vĩnh Ninh, H, mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 11/2023/TLST- HNGĐ ngày 06 tháng 01 năm 2023 về việc xin ly hôn. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 40/2023/QĐXXST- HNGĐ ngày 03 tháng 4 năm 2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Phương L, sinh năm 1972.

Địa chỉ: 03 Trần Nguyên Đán, phường Thuận Hòa, H, tỉnh T T H. Có mặt.

Bị đơn: Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1970.

Địa chỉ: Kiệt 4, Tổ dân phố Vân Dương, phường Thủy Vân, H, tỉnh T T H. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện về việc xin ly hôn của bà Nguyễn Thị Phương L và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thì nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trước khi kết hôn bà L và ông T có thời gian tìm hiểu được khoảng 01 năm thì tiến hành kết hôn theo phong tục truyền thống. Vào ngày 03/4/2002, hai bên tiến hành đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Thuận Hòa, H, tỉnh T T H. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống tại nhà bố mẹ ông T ở Kiệt 4 tổ Vân Dương, phường Thủy Vân, H, tỉnh T T H. Quá trình chung sống, vợ chồng ông T, bà L chỉ có thời gian ngắn hạnh phúc, kể từ khi bà L bắt đầu mang thai cháu Huyền Trang

thì vợ chồng bắt đầu nảy sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do ông T thường xuyên rượu chè bê tha, mỗi lần ông T nhậu vào thì ông T thường hay chửi rửa bà L, xúc phạm bà L gây ra sự xung đột trong gia đình rất lớn. Bản thân bà L và gia đình hai bên đã nhiều lần khuyên can ông T nhưng ông T không thay đổi mà còn thường hay hăm dọa bà L, gây bất xúc trong gia đình. Chính các con đã nhiều lần khuyên ông T nhưng ông T bất cần, không thay đổi. Bà cũng đã nhiều lần gửi đơn ly hôn ông T đến Tòa án nhân dân thị xã Hương Thủy nhưng rồi lại rút đơn vì nghĩ con còn nhỏ dại. Do bà L không thể chịu đựng lối sống của ông T nên từ tháng 10/2021 cho đến nay bà cùng các con đã về nhà bố mẹ bà tại 03 Trần Nguyên Đán, H để ở và sống ly thân với ông T từ đó cho đến nay. Trong thời gian sống ly thân, ông T cũng nhiều lần tới tìm 03 mẹ con bà L nhưng mỗi lần đến đều say xỉn và nói lời hăm dọa khiến 03 mẹ con bà rất sợ. Nay bà L nhận thấy mâu thuẫn đã trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn nên bà xin được ly hôn với ông Nguyễn Văn T.

Về con chung: Bà L xác nhận giữa bà và ông Nguyễn Văn T có 02 con chung là Nguyễn Phương Huyền Trang, sinh ngày 29/01/2003 và Nguyễn Phương Huyền Thanh, sinh ngày 13/11/2008. Do con chung Nguyễn Phương Huyền Trang đã thành niên nên bà L không yêu cầu giải quyết vấn đề giao con cho ai nuôi khi ly hôn; Đối với con chung Nguyễn Phương Huyền Thanh thì bà L có nguyện vọng được nuôi cháu Huyền Thanh và không yêu cầu ông T cấp dưỡng tiền nuôi con hàng tháng.

Về tài sản chung: Bà L xác nhận giữa bà và ông Nguyễn Văn T không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Bà L xác nhận giữa bà và ông Nguyễn Văn T không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Phần trình bày của bị đơn – ông Nguyễn Văn T:

Trước khi kết hôn ông và bà L có thời gian tìm hiểu được 03-04 năm thì mới kết hôn và tiến hành lễ cưới theo phong tục truyền thống. Vào ngày 03/4/2002 hai bên tiến hành đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Thuận Hòa, H, tỉnh T T H. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống tại nhà bố mẹ ông ở Kiệt 4 tổ Vân Dương, phường Thủy Vân, H, tỉnh T T H. Quá trình chung sống thì vợ chồng có thời gian hạnh phúc gần 10 năm, sau đó bà L gửi đơn ly hôn tại Tòa án nhân dân thị xã Hương Thủy, tỉnh T T H nhưng rồi lại rút đơn để đoàn tụ vợ chồng. Nguyên nhân chính dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng là do bất đồng quan điểm sống, buổi chiều tối ông đi làm về cũng hay thường xuyên nhậu nhẹt, ngoài ra còn nhiều mâu thuẫn nhỏ nhặt trong cuộc sống nên vợ chồng có cãi nhau nhưng chưa đến mức trầm trọng. Từ tháng 10/2021 cho đến nay bà L đã cùng 02 đứa con về nhà bố mẹ bà L ở, còn ông T vẫn ở tại nhà bố mẹ ông tại thôn Vân Dương, phường Thủy Vân, H, tỉnh T T H. Trong thời gian sống ly thân, ông cũng nhiều lần tới tìm bà L nhưng bà L từ chối gặp nên ông cũng chịu; Đồng thời bà L và các con cũng chặn điện thoại của ông làm ông không liên hệ được khiến ông càng thêm bức xúc. Nay bà L

xin ly hôn ông thì ông không đồng ý ly hôn mà mong muốn đoàn tụ vợ chồng. Phương án đoàn tụ của ông là muốn vợ con về ở chung với ông, ông sẽ cố gắng hạn chế bớt những cuộc vui bên ngoài để vợ chồng vui vẻ lại với nhau vì con cái đang ở độ tuổi ăn học. Nếu bà L cương quyết xin ly hôn thì ông cũng không đồng ý ly hôn.

Về con chung: Ông T cũng xác nhận giữa ông và bà Nguyễn Thị Phương có 02 con chung là Nguyễn Phương Huyền Trang, sinh ngày 29/01/2003 và Nguyễn Phương Huyền Thanh, sinh ngày 13/11/2008. Nay ly hôn, con chung Nguyễn Phương Huyền Trang đã thành niên nên vấn đề nuôi con không đặt ra; Đối với con chung Nguyễn Phương Huyền Thanh thì ông có nguyện vọng nuôi cháu Huyền Thanh và không yêu cầu bà L cấp dưỡng tiền nuôi con hàng tháng. Trong trường hợp cháu Huyền Thanh có nguyện vọng ở với bà L thì ông cũng không đồng ý giao cháu Huyền Thanh cho bà L nuôi dưỡng.

Về tài sản chung, nợ chung: Ông xác nhận giữa ông và bà L không có tài sản chung và nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân H, tỉnh T T H có ý kiến như sau:

Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng Dân sự. Nguyên đơn chấp hành và thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của đương sự, bị đơn không chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ quy định tại Bộ luật tố tụng Dân sự.

Kiểm sát viên phát biểu về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận cho bà Nguyễn Thị Phương L được ly hôn với ông Nguyễn Văn T; Về con chung: Đối với con chung Nguyễn Phương Huyền Trang đã thành niên nên vấn đề nuôi con không đặt ra; Đối với con chung Nguyễn Phương Huyền Thanh thì đề nghị giao cho bà Nguyễn Thị Phương L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu Huyền Thanh trưởng thành (đủ 18 tuổi), do bà L không yêu cầu cấp dưỡng nên không xem xét; Về tài sản chung, nợ chung: Vợ chồng bà L ông T không có tài sản chung, nợ chung nên không xem xét. Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, lời khai của đương sự và ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân H, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

Bà Nguyễn Thị Phương L xin ly hôn với ông Nguyễn Văn T. Ông T hiện cư trú tại Kiệt 4 Tổ dân phố Vân Dương, H, tỉnh T T H. Căn cứ vào Điều 35 và Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân H, tỉnh T T H.

[2]. Về nội dung:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân:

Bà Nguyễn Thị Phương L và ông Nguyễn Văn T kết hôn tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Thuận Hòa, H, tỉnh T T H vào ngày 03/4/2002 nên là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống giữa bà L và ông T nảy sinh nhiều mâu thuẫn, sống không hạnh phúc. Nay bà L nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà L xin được ly hôn với ông Nguyễn Văn T.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành hòa giải giữa các bên đương sự về hướng khắc phục mâu thuẫn vợ chồng, mặc dù ông T không đồng ý ly hôn nhưng ông không đưa ra được phương án đề đoàn tụ vợ chồng. Qua tham khảo ý kiến của các thành viên trong gia đình ông T và bà L đều cho thấy mâu thuẫn vợ chồng bà L và ông T đã kéo dài từ nhiều năm nhưng không khắc phục được, họ đều có ý kiến là đề nghị Tòa án cho bà L được ly hôn ông T. Ngoài ra Tòa án còn tham khảo ý kiến của chính quyền địa phương nơi bà L ông T cư trú, kết quả xác minh cũng cho thấy vợ chồng bà L ông T mâu thuẫn quá nhiều năm, nguyên nhân xuất phát từ việc ông T chưa chăm lo gia đình, thường xuyên nhậu nhẹt khiến cuộc sống vợ chồng bất hòa.

Hội đồng xét xử thấy rằng qua ý kiến của các đương sự và qua kết quả xác minh của Tòa án cho thấy mâu thuẫn vợ chồng bà L và ông T đã trầm trọng, không thể khắc phục đoàn tụ vợ chồng. Do đó việc bà Nguyễn Thị Phương L xin được ly hôn ông Nguyễn Văn T là có căn cứ, phù hợp quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên cần chấp nhận.

[2.2]. Về con chung:

Bà Nguyễn Thị Phương L và ông Nguyễn Văn T có 02 con chung là Nguyễn Phương Huyền Trang, sinh ngày 29/01/2003 và Nguyễn Phương Huyền Thanh, sinh ngày 13/11/2008. Hiện nay con chung Nguyễn Phương Huyền Trang đã thành niên nên vấn đề giao cho ai nuôi con không đặt ra; Đối với con chung Nguyễn Phương Huyền Thanh, xét nguyện vọng của cháu Thanh cũng như nguyện vọng của bà L nên Hội đồng xét xử xét thấy cần giao cháu Huyền Thanh cho bà L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến lúc cháu Huyền Thanh trưởng thành (đủ 18 tuổi) là hợp lý, đúng quy định pháp luật.

Bà Nguyễn Thị Phương L không yêu cầu ông Nguyễn Văn T cấp dưỡng tiền nuôi con hàng tháng nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.3]. Về tài sản chung:

Bà Nguyễn Thị Phương L và ông Nguyễn Văn T xác định vợ chồng không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[2.4]. Về nợ chung:

Bà Nguyễn Thị Phương L và ông Nguyễn Văn T xác định vợ chồng không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3]. Về án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm:

Bà Nguyễn Thị Phương L phải chịu án phí Hôn nhân và gia đình theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ Điều 35, Điều 39, Điều 143, Điều 147, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Áp dụng Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Áp dụng Điều 26, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc Hội ban hành ngày 30 tháng 12 năm 2016, Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn – bà Nguyễn Thị Phương L. Cho bà Nguyễn Thị Phương L được ly hôn với ông Nguyễn Văn T.

2. Về con chung: Hiện con chung Nguyễn Phương Huyền Trang, sinh ngày 29/01/2003 đã thành niên nên không xem xét giải quyết về vấn đề nuôi con khi ly hôn. Giao con chung Nguyễn Phương Huyền Thanh, sinh ngày 13/11/2008 cho bà Nguyễn Thị Phương L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu Huyền Thanh trưởng thành (đủ 18 tuổi). Bà L không yêu cầu ông T cấp dưỡng tiền nuôi con hàng tháng.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung: Bà Nguyễn Thị Phương L và ông Nguyễn Văn T xác nhận không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về nợ chung: Bà Nguyễn Thị Phương L và ông Nguyễn Văn T xác nhận không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

5. Về án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị Phương L phải chịu 300.000 đồng án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Bà L đã nộp số tiền 300.000 đồng tại Chi cục Thi hành án dân sự H, tỉnh T T H (theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005387 ngày 03 tháng 01 năm 2023) nên được khấu trừ, khỏi phải nộp.

6. Án sơ thẩm xét xử công khai, nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự, được bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung Luật Thi hành án Dân sự năm 2014, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án Dân sự và Điều 7a, 7b Luật sửa đổi, bổ sung Luật thi hành án Dân sự năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND H;
- TAND tỉnh TT Huế;
- Chi cục THADS tp Huế;
- Ủy ban nhân dân phường
Thuận Hòa, tp Huế;
- Dương sự;
- Tổ HC-Tp;
- Lưu hs;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Tú Loan